

Số: 1689/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 26 tháng 12 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt Kế hoạch sản xuất kinh doanh  
và đầu tư phát triển 5 năm giai đoạn 2021 - 2025  
của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam**

**THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật khoáng sản ngày 17 tháng 11 năm 2010;*

*Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;*

*Căn cứ Nghị định số 10/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ về thực hiện quyền, trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu nhà nước;*

*Căn cứ Nghị định số 131/2018/NĐ-CP ngày 29 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp;*

*Căn cứ Nghị định số 105/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 8 năm 2018 của Chính phủ ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam;*

*Căn cứ Quyết định số 334/QĐ-TTg ngày 01 tháng 4 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược địa chất, khoáng sản và công nghiệp khai khoáng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;*

*Căn cứ Quyết định số 500/QĐ-TTg ngày 15 tháng 5 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển Điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;*

*Căn cứ Quyết định số 680/QĐ-TTg ngày 10 tháng 6 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;*

*Căn cứ Quyết định số 866/QĐ-TTg ngày 18 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng các loại khoáng sản thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;*

*Căn cứ Quyết định số 893/QĐ-TTg ngày 26 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể về năng lượng quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;*

*Căn cứ Quyết định số 1263/QĐ-TTg ngày 27 tháng 10 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án cơ cấu lại Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam đến năm 2025;*

*Theo đề nghị của Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp tại Tờ trình số 2047/TTr-UBQLV ngày 09 tháng 12 năm 2022 và số 2156/TTr-UBQLV ngày 10 tháng 10 năm 2023; ý kiến thẩm định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại văn bản số 4813/BKHĐT-KTCNDV ngày 22 tháng 6 năm 2023.*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển 5 năm giai đoạn 2021 - 2025 của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam với những nội dung như sau:

### **I. MỤC TIÊU TỔNG QUÁT**

- Phát triển Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam (TKV) trở thành Tập đoàn kinh tế vững mạnh trên cơ sở phát triển các lĩnh vực công nghiệp than, công nghiệp bô xít - alumin - nhôm, công nghiệp khoáng sản, công nghiệp điện, vật liệu nổ công nghiệp và các ngành nghề khác; góp phần đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia và phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

- Phát triển bền vững, hài hòa với bảo vệ môi trường, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu và bảo đảm quốc phòng an ninh.

### **II. MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ CỤ THỂ**

#### **1. Lĩnh vực công nghiệp than**

- Triển khai có hiệu quả các giải pháp để thực hiện mục tiêu Nghị quyết số 55-NQ/TW ngày 11 tháng 02 năm 2020 của Bộ Chính trị về định hướng Chiến lược phát triển năng lượng quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, trong đó có lĩnh vực về than. Hoàn thiện mô hình "Sản xuất và Thương mại than". Nghiên cứu đầu tư ra nước ngoài, tăng cường phát triển lĩnh vực nhập khẩu, pha trộn than để đáp ứng nhu cầu tiêu thụ than trong nước. Từng bước chuẩn hoá, nâng cấp các kho cảng dịch vụ logistics phục vụ cho việc xuất - nhập khẩu, pha trộn than.

- Tập trung phát triển các mỏ hầm lò sản lượng lớn theo tiêu chí “Mỏ xanh, mỏ hiện đại, mỏ sản lượng cao”. Liên thông các mỏ lộ thiên, hầm lò thành các mỏ có công suất lớn (mỏ lộ thiên công suất trên 3,0 triệu tấn/năm; mỏ hầm lò công suất trên 2,0 triệu tấn/năm). Tiếp tục đầu tư các mỏ than theo Quy hoạch tổng thể về năng lượng quốc gia thời kỳ 2021 - 2030 tầm nhìn đến năm 2050 (đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt), phần đầu giai đoạn 2021 - 2025 sản xuất được 195,019 triệu tấn than thương phẩm, nhập khẩu 48,183 triệu tấn và tiêu thụ 243,060 triệu tấn.

- Đẩy mạnh thăm dò, đánh giá trữ lượng than nhằm chuẩn bị cơ sở tài nguyên tin cậy cho sự phát triển ổn định, lâu dài. Phần đầu trong giai đoạn 2021 - 2025, toàn Tập đoàn hoàn thành 05 đề án thăm dò mỏ than và xin cấp phép mới 09 đề án thăm dò.

## 2. Lĩnh vực công nghiệp khoáng sản

- Phần đầu trở thành doanh nghiệp hàng đầu trong ngành công nghiệp kim loại màu tại Việt Nam và khu vực với khối lượng kim loại màu toàn Tập đoàn giai đoạn 2021 - 2025 dự kiến sản xuất được 138.958 tấn đồng tấm, 6.839 nghìn tấn Alumina.

- Tập trung khai thác hiệu quả 02 dự án alumin Lâm Đồng và alumin Đắk Nông, cường hóa/nâng công suất các nhà máy. Đầu tư mở rộng các dự án Tân Rai, Nhân Cơ theo Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng các loại khoáng sản thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt).

- Duy trì khai thác các mỏ đồng hiện có, đa dạng hóa nguồn cung cấp nguyên liệu để cấp đủ tinh quặng cho nhà máy luyện đồng; đẩy mạnh hợp tác với các doanh nghiệp trong và ngoài nước nhằm khai thác có hiệu quả các nhà máy luyện đồng đã được đầu tư.

- Đẩy mạnh công tác thăm dò, đánh giá trữ lượng khoáng sản. Phần đầu trong giai đoạn 2021 - 2025 toàn Tập đoàn hoàn thành 01 đề án thăm dò mỏ khoáng sản và xin cấp phép 10 đề án thăm dò mỏ khoáng sản mới.

- Tập trung làm việc với các bộ ngành, địa phương để tiếp tục xử lý các dự án khai thác, chế biến khoáng sản còn vướng mắc như: khai thác mỏ cromit Cổ Định; mỏ sắt Thạch Khê; mỏ titan Bình Thuận, mỏ đất hiếm Đông Pao.

## 3. Lĩnh vực công nghiệp điện

- Quản lý, vận hành các nhà máy điện hiện có đảm bảo an toàn, phát huy công suất thiết kế. Phần đầu trong giai đoạn 2021 - 2025 toàn Tập đoàn sản xuất được 49.405 triệu kWh (trung bình 9.881 triệu kWh/năm).

- Nghiên cứu đổi mới công nghệ, đảm bảo đáp ứng các tiêu chuẩn về môi trường ngày càng cao theo tinh thần chỉ đạo tại Nghị quyết số 55-NQ/TW ngày 11 tháng 02 năm 2020 của Bộ Chính trị.

- Nghiên cứu triển khai một số lĩnh vực năng lượng mới, năng lượng tái tạo.

#### 4. Lĩnh vực vật liệu nổ công nghiệp

- Tập trung nghiên cứu phát triển các sản phẩm mới trên cơ sở phát huy giá trị cốt lõi, thế mạnh của Tổng công ty Công nghiệp Hóa chất Mỏ, phát triển dịch vụ nổ mìn đáp ứng nhu cầu của Tập đoàn và nền kinh tế đất nước; phân đầu giai đoạn 2021 - 2025 sản xuất được 564 nghìn tấn thuốc nổ.

- Đẩy mạnh xuất khẩu Amoni Nitrat, phân đầu trong giai đoạn 2021 - 2025 sản xuất được 925 nghìn tấn nguyên liệu Amoni nitrat.

#### 5. Lĩnh vực cơ khí và sản xuất kinh doanh khác:

- Công nghiệp cơ khí: Đẩy mạnh chế tạo thiết bị mỏ, tiến đến chủ động được đa số các thiết bị, phụ tùng phục vụ sản xuất, chế biến than và khoáng sản.

- Công nghiệp vật liệu xây dựng: Duy trì sản lượng sản xuất vật liệu xây dựng, nghiên cứu đầu tư sản xuất vật liệu xây dựng xanh từ các nguồn xỉ thải nhà máy tuyển than, tro xỉ nhà máy nhiệt điện và chất thải rắn của quá trình khai thác than, khoáng sản phù hợp với định hướng phát triển nền kinh tế tuần hoàn.

- Các ngành nghề khác: Tiếp tục cung cấp dịch vụ xây lắp mỏ, thăm dò, khoa học công nghệ, tư vấn thiết kế, dịch vụ cảng biển, kho bãi, dịch vụ y tế khám chữa bệnh nghề nghiệp...

### III. CÁC CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH CHỦ YẾU

1. Các chỉ tiêu kế hoạch 5 năm giai đoạn 2021 - 2025 của Công ty mẹ Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam.

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 5 năm giai đoạn 2021 - 2025
1	Than thương phẩm sản xuất	1.000 tấn	125.100
2	Sản lượng than tiêu thụ	1.000 tấn	243.060
3	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	751.674
4	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	22.143
5	Kế hoạch vốn đầu tư	Tỷ đồng	30.896
6	Nộp ngân sách	Tỷ đồng	52.582

2. Các chỉ tiêu kế hoạch 5 năm giai đoạn 2021 - 2025 của tổ hợp Công ty mẹ - Công ty con Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam.

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 5 năm giai đoạn 2021 - 2025
<b>I</b>	<b>Sản phẩm sản xuất chủ yếu</b>		
<b>I.1</b>	<b>Công nghiệp than</b>		
1	Than thương phẩm sản xuất	1.000 tấn	195.019
2	Than tiêu thụ	1.000 tấn	243.060
-	Tiêu thụ trong nước	1.000 tấn	235.892
-	Xuất khẩu	1.000 tấn	7.168
3	Than nhập khẩu	1.000 tấn	48.183
<b>I.2</b>	<b>Công nghiệp khoáng sản</b>		
1	Đồng tấm	Tấn	138.958
2	Alumina	1.000 tấn	6.839
<b>I.3</b>	<b>Công nghiệp điện</b>	<b>Triệu kWh</b>	<b>49.405</b>
<b>I.4</b>	<b>Công nghiệp hóa chất</b>		
1	Sản xuất thuốc nổ	1000 Tấn	564,0
2	Sản xuất nguyên liệu Amoni Nitrat	1000 Tấn	925,0
3	Tiêu thụ Amoni Nitrat	1000 Tấn	925,0
<b>II</b>	<b>Tổng doanh thu</b>	<b>Tỷ đồng</b>	<b>853.500</b>
<b>III</b>	<b>Giá trị sản xuất công nghiệp</b>	<b>Tỷ đồng</b>	<b>425.382</b>
<b>IV</b>	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>Tỷ đồng</b>	<b>32.580</b>
<b>V</b>	<b>Nộp ngân sách nhà nước</b>	<b>Tỷ đồng</b>	<b>108.161</b>
<b>VI</b>	<b>Xuất khẩu</b>		
1	Tổng kim ngạch xuất khẩu	Triệu USD	4.595
2	Sản phẩm xuất khẩu chủ yếu		
-	Than đá	1.000 tấn	7.168
-	Khoáng sản (Alumina)	1.000 tấn	6.500
<b>VII</b>	<b>Nhập khẩu</b>		
1	Tổng kim ngạch nhập khẩu	Triệu USD	7.287
2	Sản phẩm nhập khẩu		
-	Nhập khẩu than	1.000 tấn	48.183
<b>VIII</b>	<b>Kế hoạch vốn đầu tư</b>	<b>Tỷ đồng</b>	<b>51.998</b>

## IV. KẾ HOẠCH TRIỂN KHAI CÁC LĨNH VỰC

### 1. Lĩnh vực công nghiệp than

- Trình cấp có thẩm quyền cấp giấy phép thăm dò, giấy phép khai thác các mỏ than theo Quy hoạch tổng thể về năng lượng quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt). Đẩy mạnh khoan thăm dò, đánh giá trữ lượng than nhằm chuẩn bị cơ sở tài nguyên tin cậy để triển khai các dự án khai thác than. Tập trung thăm dò tại các mỏ: Bắc Cọc Sáu, Suối Lài, Hà Ráng, Mạo Khê, Hà Lâm...

- Tập trung đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án: Dự án đầu tư khai thác than hầm lò xuống sâu dưới mức -150 - Công ty than Mạo Khê, Dự án đầu tư khai thác hầm lò mỏ Khe Chàm II-IV, Dự án khai thác hầm lò xuống sâu dưới mức -35 khu Lộ Trí - Công ty Than Thống Nhất - TKV, Dự án khai thác xuống sâu dưới mức -220 mỏ Bình Minh.

- Thực hiện công tác chuẩn bị đầu tư các dự án: Dự án khai thác hầm lò phần mở rộng mỏ Hà Ráng, Dự án khai thác hầm lò dưới mức -150 mỏ Tràng Bạch, Dự án mở rộng khai thác lộ thiên khu Uông Thượng mở rộng + Đồng Vông, Dự án khai thác hầm lò tầng lò giếng dưới mức +131 mỏ Đồng Vông, Dự án khai thác hầm lò xuống sâu dưới mức -175 mỏ than Vàng Danh.

- Duy trì, cải tạo các nhà máy sàng tuyển, trung tâm chế biến than hiện có, kết hợp việc duy trì hợp lý các cụm sàng mỏ. Tiếp tục đầu tư xây dựng mới nhà máy sàng tuyển tập trung, chế biến than trong nước kết hợp với pha trộn than nhập khẩu theo hướng tối đa chủng loại than cho sản xuất điện, đa dạng hóa sản phẩm đáp ứng nhu cầu sử dụng trong nước phù hợp với thị trường.

- Tổ chức hệ thống vận tải (đường bộ, đường sắt, băng tải) phù hợp năng lực sản xuất với công nghệ hiện đại, thân thiện môi trường. Tăng cường sử dụng băng tải, đường sắt, đường thủy để vận tải than, hạn chế tối đa hình thức vận tải bằng ô tô để giảm thiểu ảnh hưởng đến môi trường.

### 2. Lĩnh vực công nghiệp khoáng sản

#### a) Đối với sản phẩm alumina

- Triển khai các thủ tục lập đề án, trình cấp có thẩm quyền cấp giấy phép thăm dò quặng bauxite tại các khu vực: GN2-1, huyện Đăk R'láp, huyện Đăk Song và thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đăk Nông; khu vực Lộc Lâm, Lộc Phú, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng; Tân Thượng (Di Linh - Đỉnh Trang Thượng), huyện Bảo Lâm, huyện Di Linh và thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.

- Tập trung vận hành ổn định các nhà máy hiện có, chú trọng công tác quản lý chất lượng ổn định, đảm bảo các chỉ tiêu chất lượng theo cam kết, phù hợp các tiêu chuẩn. Nghiên cứu đa dạng hoá, chế biến sâu sản phẩm nhằm đáp ứng nhu cầu thị trường, khách hàng.

- Nâng cao năng lực vận tải, kho chứa tập kết hàng hoá. Phối hợp với các đơn vị chủ quản Cảng Đồng Nai để nâng cao khả năng tiếp nhận tàu của Cảng Gò Dầu nhằm tăng khả năng cạnh tranh sản phẩm của TKV. Đồng thời nghiên cứu bổ sung những tuyến vận tải, cảng xuất khẩu mới để đáp ứng được nhu cầu xuất khẩu khi sản lượng sản xuất được mở rộng.

#### b) Sản phẩm đồng tấm

- Tiếp tục vận hành ổn định các nhà máy luyện đồng hiện có. Tăng cường công tác quản lý chất lượng sản phẩm, đảm bảo sản phẩm sản xuất và giao cho khách hàng có chất lượng phù hợp với tiêu chuẩn chất lượng công bố.

- Tập trung đẩy mạnh tiêu thụ đồng cathode, tiếp tục tìm kiếm các khách hàng mới. Ưu tiên tiêu thụ cho các khách hàng có tiềm lực tài chính, các khách hàng mua trực tiếp để sản xuất; đồng thời duy trì, dần mở rộng thêm hệ thống khách hàng nhỏ lẻ để tạo sự cạnh tranh, tăng hiệu quả việc tiêu thụ.

### 3. Lĩnh vực công nghiệp điện

- Tập trung mọi nguồn lực, nhanh chóng triển khai hoàn thành đầu tư dự án Nhà máy nhiệt điện Na Dương 2, phần đầu năm 2026 đưa nhà máy đi vào hoạt động.

- Tập trung công tác quản lý vận hành an toàn, ổn định các Nhà máy điện hiện có, đảm bảo phát huy công suất thiết kế.

- Nghiên cứu công nghệ chuyển đổi nhiên liệu sang sinh khối và amocac với các nhà máy nhiệt điện than đã vận hành sau 20 năm.

### 4. Lĩnh vực vật liệu nổ công nghiệp

- Tiếp tục phát triển sản phẩm cốt lõi là vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ và chuỗi sản phẩm dịch vụ.

- Nghiên cứu sản xuất, ứng dụng thay thế dần nguyên liệu, vật tư đang nhập khẩu (amoniac-NH<sub>3</sub>...) để phục vụ cho các dây chuyền sản xuất: amoni nitrat, nhũ tương hầm lò, nhũ tương rời...

- Nghiên cứu mở rộng thị trường xuất khẩu các sản phẩm vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ và dịch vụ khoan, nổ mìn ra các nước trong khu vực như: Lào, Campuchia, Indônêxia...

## V. CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

### 1. Giải pháp về quản trị và quản lý doanh nghiệp

#### a) Công tác chỉ đạo, điều hành sản xuất

Chỉ đạo, điều hành sản xuất kinh doanh phù hợp với diễn biến và nhu cầu của thị trường, đảm bảo sản xuất kinh doanh hiệu quả. Chủ động cập nhật thông tin, khảo sát, phân tích và dự báo thị trường làm cơ sở để định hướng sản xuất,

tiêu thụ sản phẩm. Tăng cường quản lý tài nguyên, chất lượng sản phẩm, chống gian lận thương mại. Duy trì tốt mối quan hệ với bạn hàng, đối tác truyền thống; chủ động trong quan hệ quốc tế, phát triển thị trường, nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm ở trong nước và ngoài nước.

#### b) Thực hiện các giải pháp tăng năng suất lao động

Thực hiện cơ giới hóa, tự động hóa đồng bộ khâu đào lò, khai thác và vận tải tại các mỏ than hầm lò. Đầu tư thiết bị đồng bộ, công suất lớn và băng tải hoá khâu vận tải tại các mỏ lộ thiên; tự động hóa tối đa các nhà máy sàng tuyển, Điện lực, Alumina, hoá chất, xi măng và tối ưu hoá mô hình tổ chức quản lý các cấp để tiếp tục tiết giảm lao động, tăng năng suất lao động, giảm giá thành sản phẩm.

#### c) Công tác cơ cấu lại doanh nghiệp

Thực hiện theo Đề án cơ cấu lại Tập đoàn giai đoạn 2021 - 2025 (đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1263/QĐ-TTg ngày 27 tháng 10 năm 2023).

#### d) Công tác an toàn

Đặt mục tiêu an toàn lên hàng đầu trong suốt quá trình điều hành sản xuất kinh doanh, huy động sức mạnh của cả hệ thống chính trị với các nhóm giải pháp đồng bộ (kỹ thuật, kinh tế, chính sách, tổ chức, quản lý...) để khắc phục triệt để các nguy cơ, nguyên nhân, nhằm giảm thiểu tai nạn lao động.

### 2. Giải pháp về tài chính

#### a) Quản trị chi phí nội bộ

- Tiếp tục hoàn thiện cơ chế, quy định; xây dựng các giải pháp tiết kiệm chi phí.

- Triển khai thực hiện nghiêm túc các quy chế giám sát kiểm tra, thanh tra việc chấp hành pháp luật, tuân thủ các quy định của Nhà nước. Nâng cao hiệu quả hoạt động kiểm soát nội bộ tại các đơn vị.

#### b) Công tác quản lý tài chính, dòng tiền

- Tiếp tục thực hiện thoái vốn tại các công ty không thuộc lĩnh vực kinh doanh chính, hoặc thoái một phần vốn ở các công ty thuộc lĩnh vực kinh doanh chính để chỉ nắm giữ tỷ lệ cổ phần biểu quyết chi phối hoặc phủ quyết tùy theo tính chất quan trọng của từng công ty trong cơ cấu Tập đoàn. Sử dụng nguồn vốn thu được từ thoái vốn để đầu tư phát triển các dự án mới theo quy định của pháp luật.



- Thực hiện cơ chế thanh toán tập trung phù hợp với quy định của pháp luật nhằm tập trung nguồn lực, tránh để tiền ứ đọng ở nhiều khâu trung gian trong khi vẫn phải đi vay ngắn hạn cho các nhu cầu chi tiêu, giảm chi phí sử dụng vốn; thực hiện giải pháp dự trữ tiền ở một số đầu mối, giảm dự trữ ở tất cả các đơn vị gây lãng phí vốn.

- Điều hòa vốn giữa các đơn vị trong Công ty mẹ, phù hợp với quy định của pháp luật để nâng cao hiệu suất sử dụng đồng vốn, tránh hiện tượng thừa hoặc thiếu vốn cục bộ, nâng cao vòng quay tiền mặt, giảm chi phí sử dụng vốn.

- Bên cạnh phương thức huy động truyền thống từ nguồn tín dụng thương mại, TKV mở rộng thêm các kênh huy động vốn dài hạn khác như: phát hành cổ phiếu, trái phiếu doanh nghiệp để huy động vốn cho Tập đoàn và các công ty con. Bên cạnh đó, tích cực triển khai áp dụng các sản phẩm tài chính ngân hàng như: L/C Upas, L/c nội địa, các sản phẩm bảo hiểm rủi ro tỷ giá, lãi suất để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, đảm bảo an toàn tài chính.

- Tính toán xác định vốn điều lệ phù hợp với quy mô hoạt động của các công ty con, tăng cường các giải pháp quản lý vốn nhằm đảm bảo các chỉ số tài chính trong giới hạn an toàn.

### 3. Giải pháp về đổi mới sáng tạo, ứng dụng khoa học và công nghệ.

Tiếp tục thực hiện đổi mới, hiện đại hóa công nghệ theo hướng tăng cường áp dụng cơ giới hóa, tự động hoá, tin học hoá vào sản xuất.

a) Cơ giới hóa: Tiếp tục đầu tư đổi mới công nghệ, thiết bị theo hướng hiện đại, năng suất cao, an toàn, sử dụng ít nguyên nhiên vật liệu, phát thải thấp. Nghiên cứu hoàn thiện và lựa chọn công nghệ phù hợp để triển khai rộng rãi cơ giới hóa đồng bộ hoặc bán cơ giới hóa hợp lý trong tất cả các lĩnh vực khai thác than, khoáng sản, sản xuất điện, hóa chất mỏ, cơ khí chế tạo.

b) Tự động hóa: Triển khai các hệ thống tự động hóa giám sát, điều khiển cục bộ tại các đơn vị sản xuất. Xây dựng các hệ thống giám sát điều khiển tập trung đồng bộ, tích hợp tại các đơn vị; áp dụng tự động hóa gắn với sản xuất thông minh dựa trên nền tảng số hoá.

c) Tin học hóa: Xây dựng hạ tầng công nghệ thông tin trong toàn Tập đoàn theo mô hình Trung tâm dữ liệu trên nền tảng điện toán đám mây với hạ tầng truyền thông tốc độ cao, hệ thống lưu trữ dữ liệu theo các công nghệ hiện đại, có khả năng lưu trữ và xử lý được dữ liệu lớn, đáp ứng xu hướng hội nhập và yêu cầu của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Xây dựng các hệ thống phần mềm dùng chung toàn Tập đoàn.

d) Nghiên cứu khoa học và công nghệ: Tiếp tục đẩy mạnh nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; trong đó, ưu tiên tập trung các nhiệm vụ khoa học và công nghệ nghiên cứu, ứng dụng công nghệ tìm kiếm, thăm dò, phục vụ khai

thác than đồng bằng sông Hồng, nghiên cứu ứng dụng cơ giới hóa, tự động hoá, tin học hoá; nghiên cứu chế tạo, nội địa hoá các vật tư, thiết bị để thay thế hàng hoá nhập khẩu...

#### 4. Giải pháp về đầu tư

- Đẩy mạnh công tác đầu tư phát triển, tập trung huy động các nguồn lực để triển khai các dự án đầu tư trọng điểm của Tập đoàn: đầu tư thiết bị duy trì để nâng cao sản lượng, tăng năng lực đào lò; dự án đầu tư các trung tâm chế biến, sàng tuyển than, hệ thống băng tải; dự án khai thác chế biến khoáng sản...

- Tăng cường kiểm tra, giám sát hoạt động đầu tư hàng năm, hoàn thiện Quy chế, cơ chế đầu tư phù hợp với các thay đổi chính sách pháp luật của Nhà nước; không đầu tư các dự án không thuộc ngành nghề kinh doanh chính hoặc không phục vụ trực tiếp cho sản xuất theo quy định của pháp luật.

- Thường xuyên rà soát tiến độ thực hiện hợp đồng đã ký kết với các nhà thầu, chỉ đạo phối hợp chặt chẽ với nhà thầu hoàn thành đúng tiến độ, điều khoản đã ký kết. Hoàn thiện hồ sơ theo quy định để thực hiện thanh toán, giải ngân tối đa khối lượng công việc đã thực hiện.

- Đối với các dự án đã thực hiện xong công tác chuẩn bị nhưng chưa triển khai thi công: hoàn thiện các thủ tục cần thiết để khởi công dự án, đảm bảo tiến độ theo kế hoạch đã đề ra, tăng hiệu quả của dự án.

- Đối với các dự án giai đoạn chuẩn bị dự án, cần: tập trung hoàn thiện các điều kiện để tổ chức lựa chọn nhà thầu tư vấn khảo sát, tư vấn lập dự án; phối hợp chặt chẽ với nhà thầu tư vấn và các cơ quan chức năng liên quan đẩy nhanh tiến độ thẩm định, phê duyệt dự án.

#### 5. Giải pháp về phát triển nguồn nhân lực, an sinh xã hội

a) Chăm lo phát triển nguồn nhân lực và cơ cấu lại lực lượng lao động: Tiếp tục đẩy mạnh áp dụng các giải pháp về kỹ thuật và công nghệ như cơ giới hóa, tự động hoá, tin học hoá nhằm tinh giảm lao động, hạ giá thành sản xuất, tăng năng lực cạnh tranh. Tiếp tục đổi mới cơ cấu lao động và nâng cao chất lượng lao động theo hướng tăng cường tuyển dụng đội ngũ kỹ sư, cử nhân được đào tạo hệ chính quy các chuyên ngành về kỹ thuật, công nghệ và quản trị doanh nghiệp để thực hiện chương trình cơ giới hóa, tự động hoá, tin học hoá.

b) Công tác an sinh xã hội: Tiếp tục chăm lo thực hiện tốt công tác an sinh xã hội đối với người lao động có hoàn cảnh khó khăn trong nội bộ Tập đoàn; đồng thời duy trì công tác hỗ trợ an sinh xã hội tại các địa phương có hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn.

## 6. Giải pháp về bảo vệ môi trường, quốc phòng - an ninh

a) Công tác môi trường và chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu: Hoàn thiện và ổn định bộ máy quản lý môi trường chuyên trách, phát triển các đơn vị làm công tác môi trường chuyên ngành của Tập đoàn nhằm nâng cao năng lực quản lý và thực hiện công tác bảo vệ môi trường. Tiếp tục triển khai thực hiện đồng bộ, hiệu quả các giải pháp bảo vệ môi trường, chủ động ứng phó biến đổi khí hậu nhằm đảm bảo phát triển bền vững Tập đoàn và các đơn vị thành viên theo hướng xanh - sạch - đẹp, hài hòa với sự phát triển chung của các địa phương và cả nước.

b) Công tác bảo vệ sản xuất gắn với thực hiện nhiệm vụ quốc phòng - an ninh trong doanh nghiệp:

Tăng cường vai trò lãnh đạo của các cấp ủy Đảng trong công tác an ninh quốc phòng gắn với phát triển kinh tế xã hội. Tăng cường công tác quản lý, bảo vệ tài nguyên, ranh giới mỏ trong khai thác, chế biến, kinh doanh than và khoáng sản.

### **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

#### 1. Hội đồng thành viên Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam

- Chịu trách nhiệm toàn diện về tính chính xác của các thông tin, số liệu báo cáo, số liệu xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển 5 năm giai đoạn 2021 - 2025 của Tập đoàn.

- Triển khai kế hoạch và các giải pháp thực hiện, đảm bảo đáp ứng các mục tiêu đề ra, hoàn thành kế hoạch đã được phê duyệt.

- Trên cơ sở kế hoạch được phê duyệt tại Quyết định này, chịu trách nhiệm xây dựng và cụ thể hóa các nhiệm vụ, chỉ tiêu kế hoạch hàng năm phù hợp với thực tiễn, đảm bảo mục tiêu phát triển đến năm 2025 của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam.

- Xây dựng phương án huy động vốn, bổ sung vốn đảm bảo việc cân đối vốn để thực hiện theo kế hoạch đề ra. Chủ động cân đối khả năng thu xếp vốn, kế hoạch vay, trả nợ vay và rủi ro liên quan để xem xét, quyết định phương án huy động vốn.

- Rà soát các dự án chậm tiến độ, kém hiệu quả, báo cáo, đề xuất cấp có thẩm quyền các giải pháp để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện.

- Có trách nhiệm kịp thời báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, xử lý đối với các nghĩa vụ tài chính phát sinh ảnh hưởng tới cân đối dòng tiền của doanh nghiệp và ngân sách nhà nước.

- Chủ động báo cáo, làm việc với cấp có thẩm quyền về chủ trương thực hiện các hoạt động đầu tư đáp ứng mục tiêu phát triển của Tập đoàn.

## 2. Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp

- Theo chức năng, nhiệm vụ, chủ trì, phối hợp với các Bộ: Công Thương, Tài chính và các cơ quan liên quan xem xét, phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam phù hợp với kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển 5 năm giai đoạn 2021 - 2025 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định này.

- Chỉ đạo, giám sát chặt chẽ, đánh giá toàn diện tình hình sản xuất, kinh doanh của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam, kịp thời chỉ đạo, điều hành, báo cáo cấp có thẩm quyền các giải pháp để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện; chịu trách nhiệm trước Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về việc đảm bảo doanh nghiệp hoàn thành kế hoạch đã được phê duyệt, bảo toàn và phát triển phần vốn góp của nhà nước tại doanh nghiệp.

## 3. Bộ Công Thương

- Theo chức năng, nhiệm vụ, chủ trì, phối hợp với Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Bộ Tài nguyên và Môi trường hỗ trợ Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam trong việc xây dựng, triển khai các giải pháp thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển 5 năm giai đoạn 2021 - 2025 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định này.

- Theo chức năng, nhiệm vụ, chủ trì theo dõi, đôn đốc việc giải quyết các khó khăn, vướng mắc của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam về thực hiện các dự án đầu tư.

## 4. Bộ Tài chính

- Theo chức năng, nhiệm vụ, chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan trình cấp có thẩm quyền về phương án xử lý nguồn thực hiện các nghĩa vụ tài chính phát sinh liên quan đến trách nhiệm của Nhà nước theo báo cáo của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam.

- Kịp thời hướng dẫn, trả lời Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam theo thẩm quyền trong việc thực hiện cơ chế, chính sách về tài chính, thuế, phương án bổ sung vốn điều lệ trên cơ sở báo cáo cụ thể của Tập đoàn.

5. Các bộ, ngành liên quan theo thẩm quyền, chức năng được giao chỉ đạo và phối hợp với Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam tổ chức triển khai thực hiện Quyết định này.

6. Ủy ban nhân dân các tỉnh và thành phố trực thuộc trung ương cụ thể hóa kế hoạch phát triển công nghiệp liên quan trên địa bàn tỉnh, thành phố cho phù hợp với Quyết định này.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

**Điều 4.** Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có liên quan, Chủ tịch Hội đồng thành viên và Tổng giám đốc Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

**Nơi nhận:**

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ: CT, KH&ĐT, TC, XD, KH&CN, TN&MT, GTVT, NG, QP, CA; VH TT&DL;
- Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
- Ủy ban Quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp;
- UBND các tỉnh, thành phố: Hà Nội, Hải Phòng, Hồ Chí Minh, Lào Cai, Lai Châu, Tuyên Quang, Cao Bằng, Quảng Ninh, Thái Nguyên, Thanh Hóa, Hà Tĩnh, Đắk Nông, Lâm Đồng, Bình Thuận;
- Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trụ lý TTg, TGD Công TTĐT, các Vụ: KTTH, TH, PL, ĐMDN, QHQT;
- Lưu: VT, CN (2b). 9

